

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 17/2024/HS-ST
Ngày: 25-3-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hòa.

Bà Lê Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quế Anh – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024 đối với:

- Bị cáo: Trương Thị K, sinh ngày: 10-7-1978, tại: tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: khóm I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Tấn L, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1953; có chồng là Phạm Văn Bé M, sinh năm 1975 và có 02 người con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 07-9-2023 đến ngày 02-02-2024 áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay tại khóm I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại:

1- Bà Mai Thị Bé B, sinh năm: 1966 (*Có mặt*);

2- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1960 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);

3- Chị Phạm Anh T, sinh năm: 1992 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);

Cùng nơi cư trú: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4- Bà Võ Thị B1, sinh năm: 1958 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);

Nơi cư trú: khóm I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5- Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm: 1974 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

6- Bà Lê Thị Hồng P, sinh năm: 1983 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
Nơi cư trú: ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Ông Phạm Văn Bé M, sinh năm: 1975 (Có mặt);

2- Bà Võ Thị D, sinh năm: 1955 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

3- Bà Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm: 1980 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

4- Bà Hồ Thị R1, sinh năm: 1974 (Vắng mặt);

5- Bà Hồ Thị Á, sinh năm: 1969 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

6- Bà Nguyễn Thị Hồng S1, sinh năm: 1972 (Vắng mặt);

7- Bà Phan Thị N, sinh năm: 1956 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: khóm I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

8- Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm: 1955 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

9- Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1974 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

10- Chị Lữ Thị L1, sinh năm: 1998 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

11- Bà Phạm Thị Bé C1, sinh năm: 1972 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

12- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1977 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

13- Bà Phạm Thị T3, sinh năm: 1972 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2014, bị cáo Trương Thị K tổ chức mở nhiều dây hội tháng, hội mùa và quy định nhiều phần hội khác nhau để làm đầu thảo hội hưởng hội tiền huê hồng. Quá trình làm đầu thảo hội, do bị cáo chặn nuôi thua lỗ, tiêu xài cá nhân nên dẫn đến mất cân đối không có khả năng chi trả. Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, bị cáo nảy sinh ý định mở thêm nhiều dây hội rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của hội viên. Để thực hiện ý định, từ năm 2014, bị cáo mở tổng cộng 08 dây hội gồm: 06 dây hội tháng loại hội 500.000 đồng, 01 dây hội mùa (04 tháng khai một lần) loại hội 2.000.000 đồng và 01 dây hội hai tháng loại hội 3.000.000 đồng. Trong đó có 02 dây hội bị cáo gian dối bằng cách kê tên không, tự ý lấy tên hội viên tham gia thật để hốt mà các hội viên không hay biết nhằm chiếm đoạt tiền của các hội viên. Đến kỳ khai hội, các hội viên bị lấy tên hốt vẫn đóng hội sống, còn bị cáo chỉ bù thêm số tiền chênh lệch để đóng hội chết, nên các hội viên hoàn toàn không biết. Đến năm 2019, bị cáo không còn khả năng thanh toán tiền hội cho các hội viên, nên tuyên bố vỡ hội chiếm đoạt tiền của các hội viên. Cụ thể như sau:

- Dây hui thứ nhất, loại hui hai tháng 3.000.000 đồng, mở ngày 20-9-2016 âm lịch (nhằm ngày 20-10-2016 dương lịch). Dây hui có 12 hui viên tham gia 20 phần hui, trong này bị cáo tham gia 03 phần, kê hui không 03 phần; Ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị Bé C1, bà Nguyễn Ngọc H mỗi người tham gia 02 phần; Các bà Mai Thị Bé B, Võ Thị B1, Võ Thị D, Phạm Anh T, Lữ Thị L1, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Thị Hồng T1, Lê Thị Hồng P mỗi người tham gia 01 phần. Hui khai được 15 kỳ, có 09 phần hui hót ở 09 kỳ, có 02 kỳ bị cáo kê tên không để hót hui (còn 01 phần hui không chưa hót) và 04 kỳ tự ý lấy tên hui viên hót. Cụ thể: Bị cáo kê phần hui không tên “Chị Á” hót ở kỳ thứ 7 số tiền 34.800.000 đồng, phần hui không tên “Chị S1” hót ở kỳ thứ 9 số tiền 36.400.000 đồng; Bị cáo tự ý lấy tên hui viên Nguyễn Văn Đ hót ở kỳ thứ 10 số tiền 35.600.000 đồng; hui viên Lê Thị Hồng P hót ở kỳ thứ 12 số tiền 36.400.000 đồng, hui viên Nguyễn Văn Đ (tên phần hui Thạch Ba, phần hui này ông Đ thay thế do ông Thạch B2 nghỉ) hót ở kỳ thứ 13 số tiền 37.100.000 đồng, hui viên Nguyễn Thị Hồng T1 hót ở kỳ thứ 15 số tiền 37.100.000 đồng. Nên tổng số tiền bị cáo dùng thủ đoạn gian dối hót hui có được là 217.400.000 đồng, bị cáo đóng lại và bù tiền đóng hui chết 60.500.000 đồng, còn chiếm đoạt 156.900.000 đồng.

- Dây hui thứ hai, loại hui mùa 2.000.000 đồng (04 tháng khai một lần), mở ngày 20-01-2014 âm lịch (nhằm ngày 19-02-2014 dương lịch). Dây hui có 12 hui viên tham gia 15 phần hui, trong này bị cáo tham gia 01 phần, kê hui không 01 phần; Bà Lê Thị X tham gia 02 phần; Bà Võ Thị D tham gia 03 phần; Các bà Nguyễn Hồng H1, Nguyễn Thị T2, Trương Thị C2, Phan Thị N, Hồ Thị Á, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị C3, ông Nguyễn Văn Đ mỗi người tham gia 01 phần. Hui khai được 13 kỳ, có 12 phần hui hót thật ở 12 kỳ, có 01 kỳ bị cáo kê tên không để hót hui, phần hui không tên “Chị P1” hót ở kỳ thứ 6 số tiền 19.600.000 đồng, bị cáo đóng lại tiền hui 17.760.000 đồng, còn chiếm đoạt 1.840.000 đồng, không đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với 06 dây hui loại hui tháng 500.000 đồng, bị cáo thừa nhận có tự ý lấy tên hui viên hót nhưng không nhớ hót ở kỳ thứ mấy, số tiền hót hui là bao nhiêu, bị cáo và hui viên không cung cấp được tài liệu liên quan đến các dây hui, nên không đủ cơ sở để xác định số tiền mà bị cáo chiếm đoạt.

Về vật chứng: Quá trình khám xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tạm giữ các sổ tay, giấy tờ có ghi danh sách hui và các tài liệu liên quan đến việc tham gia góp hui do các hui viên giao nộp và lưu vào hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, bị cáo K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đối với ông Phạm Văn Bé M là chồng của bị cáo K có biết việc bị cáo làm đầu thảo hui nhưng không biết việc bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các hui viên, không có dấu hiệu đồng phạm, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Bé M.

Tại Bản cáo trạng số 10/CT-VKS-HS ngày 26-02-2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long đã truy tố bị cáo Trương Thị K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo K có mặt giữ nguyên lời khai có trong hồ sơ vụ án, khai nhận hành vi phạm tội đúng như đã nêu trong Cáo trạng. Bị hại bà Mai Thị Bé B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Bé M có mặt giữ nguyên lời khai có trong hồ sơ vụ án. Đối với 05 bị hại và 12 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại do vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Trương Thị K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Phạm tội hai lần trở lên; Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; bị cáo có tác động người thân khắc phục toàn bộ thiệt hại cho các bị hại; các bị hại có đơn xin không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác; thân nhân có công với cách mạng. Từ đó, Vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 54 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trương Thị K từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời hạn đã tạm giam. Về trách nhiệm dân sự: Giữa các bị hại với bị cáo đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu gì thêm, nên không xem xét. Ngoài ra, V còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo K chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Qua quan điểm của V đại diện Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã tranh luận đối đáp với nhau, sau cùng mỗi người giữ nguyên quan điểm, ý kiến đã trình bày.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trương Thị K trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là: Bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi vi phạm pháp luật của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để về với gia đình phụng dưỡng cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai rõ ràng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C có trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt các đương sự này không gây cản trở cho việc xét xử, nên căn cứ quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án vẫn

tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Thị K khai nhận: Bị cáo trực tiếp đứng ra làm chủ hội (đầu thảo) từ năm 2014 nhưng do làm ăn thua lỗ, tiêu xài cá nhân nên bị cáo mất cân đối trong việc thanh toán tiền nợ và nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các hội viên bằng cách kê tên không vào các dây hội để hốt, tự ý lấy tên của các hội viên để hốt hội. Từ năm 2014 đến khi tuyên bố vỡ hội năm 2019, bị cáo đã mở 08 dây hội, trong này có 01 dây hội bị cáo dùng thủ đoạn gian dối tự ý hốt 04 phần hội chiếm đoạt số tiền 146.200.000 đồng, kê tên không hốt 02 phần hội chiếm đoạt số tiền 71.200.000 đồng, bị cáo đóng lại và bù tiền đóng hội chết 60.500.000 đồng, còn chiếm đoạt 156.900.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và vật chứng đã thu giữ.

[3] Xét thấy Bản cáo trạng số 10/CT-VKS-HS ngày 26-02-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long quyết định truy tố bị cáo Trương Thị K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là phù hợp quy định pháp luật, không oan, không sai.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, muốn có tiền tiêu xài, xoay sở các khoản nợ của bản thân mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội và tội phạm đã hoàn thành. Đáng lẽ ra ngay từ lần đầu khi bị cáo kê không tên phần hội “Chị Á” để hốt ở kỳ thứ 7 trong dây hội 3.000.000 đồng mở ngày 20-9-2016 âm lịch (nhằm ngày 20-10-2016 dương lịch) chiếm đoạt tiền hội thì bị cáo phải tự ý thức được sai phạm hành vi gian dối của bản thân, nhưng bị cáo vẫn tiếp tục kê không tên phần hội và lấy tên của các hội viên trong dây hội để kê hốt, nhằm tiếp tục chiếm đoạt tiền hội của các hội viên, nên bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, đã ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, để góp phần ổn định trật tự trị an tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử bị cáo hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo; đồng thời đề răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Trương Thị K, Hội đồng xét xử cũng đã xem xét: Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; Bị cáo có tác động người thân khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại; Các bị hại có đơn xin không truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo; Bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác (Ngày 04-12-2021, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B tặng Bằng khen là công dân có nhiều đóng góp, hỗ trợ tích cực

trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bình Dương); Bị cáo có nhiều người nhân có công với cách mạng (Cậu ruột Nguyễn Văn T4 được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì; Cha chồng Phạm Văn M được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất; Mẹ chồng Bùi Thị M2 được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì; Bà ngoại chồng Đỗ Thị S2 là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng; Cậu chồng Bùi Văn L2 và chú chồng Phạm Văn A cùng là Liệt sỹ). Đây là những căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Giữa bị cáo và các bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong. Quá trình tố tụng hồ sơ vụ án đến nay, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về vật chứng: Là các sổ tay, giấy tờ có ghi danh sách hội và các tài liệu liên quan đến việc tham gia góp hội do các hội viên giao nộp, đã được đánh thứ tự số bút lục, nên cần tịch thu và tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[9] Đối với 07 dây hội còn lại do bị cáo K làm đầu thảo, thì 01 dây hội không đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự, 06 dây hội không đủ cơ sở xác định số tiền chiếm đoạt của bị cáo đối với các hội viên, nên không xử lý.

[10] Đối với ông Phạm Văn Bé M (chồng bị cáo K) không biết việc bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của các hội viên, không có dấu hiệu đồng phạm, nên không có căn cứ xử lý.

[11] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Trương Thị K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[13] Từ những nhận định trên, quan điểm đề nghị của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp luật định, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thị K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào các Điều 45, 260, 268, 269, 299 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trương Thị K 01 (Một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bắt bị cáo chấp hành án phạt tù, được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 07-9-2023 đến ngày 02-02-2024.

Để đảm bảo cho bản án khi có hiệu lực pháp luật, tiếp tục duy trì biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trương Thị K (Theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 91/2024/HSST-QĐ ngày 25-3-2024).

2. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án: Các sổ tay, giấy tờ có ghi danh sách hội và các tài liệu liên quan đến việc tham gia góp hội do các hội viên giao nộp.

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trương Thị K nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo và người tham gia tố tụng biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo